CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

FireAnt

CTCP Lizen

Ngày 31/03/2025	10,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.1%	**-2.4%**	**-9.3%**

DT thuần
Q1/25
428
tỷ VNĐ
QoQ: ▼376| -46.7%
YoY: ▲ 117| 37.7%

LN thuần
Q1/25
24.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼29.9| -54.8%
YoY: ▲ 6.00| 32.3%

LN sau thuế
Q1/25
20.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.3| -44.4%
YoY: ▲ 5.80| 40.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
10.0%
YoY: +/-▲ 1.0%

ROE (TTM)
Q1/25
5.3%
YoY: +/-▲ 0.2%

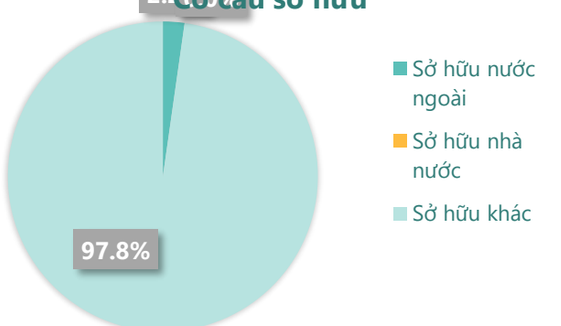
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,720 - 13,501
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,970
Số lượng CPLH (CP)	193,090,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,409,435
Sở hữu nước ngoài	2.2%
Beta	1.22
EPS	713
P/E	14.3

DT thuần
2024
2,817
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 809| 40.3%

LN thuần
2024
158
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.0| 18.5%

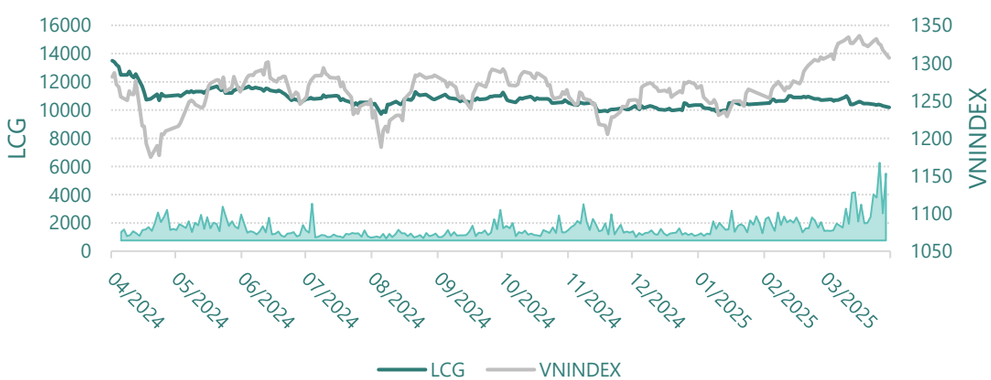
LN sau thuế
2024
120
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.0| 18.6%

Cơ cấu sở hữu

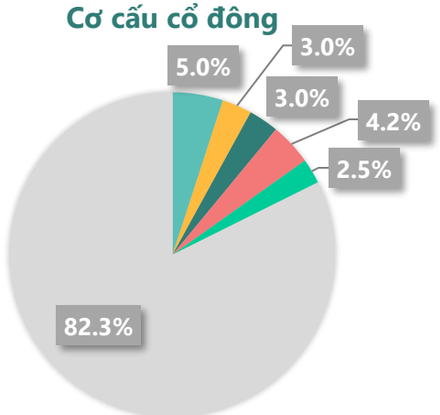


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

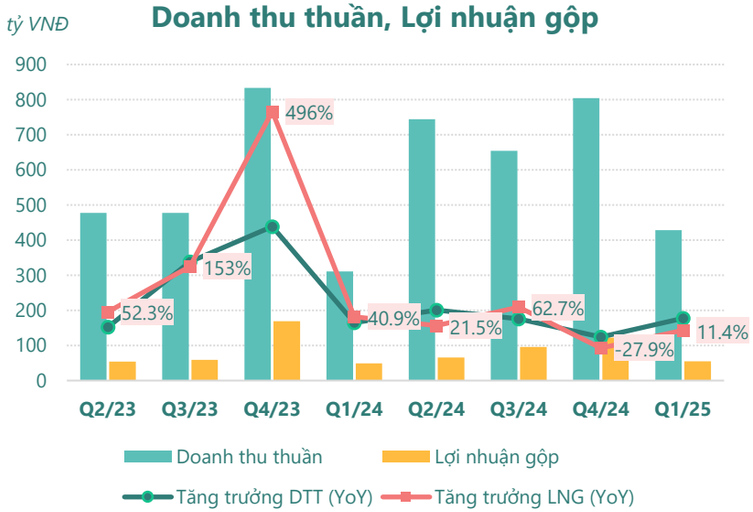




(Nguồn: fireant.vn)

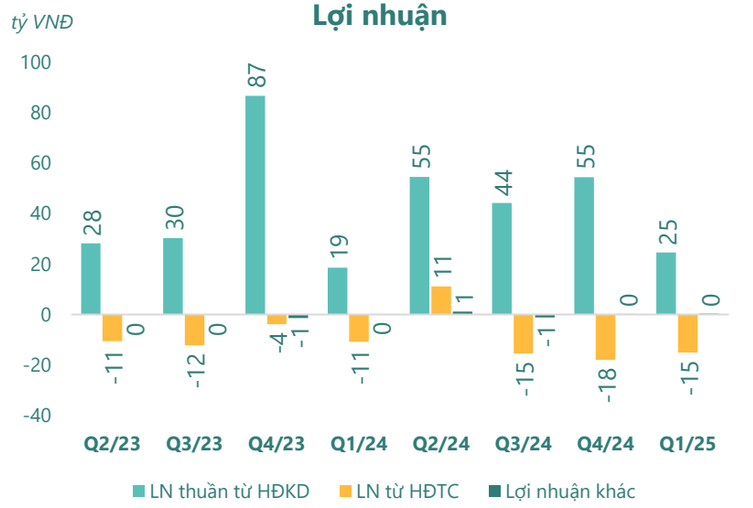
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



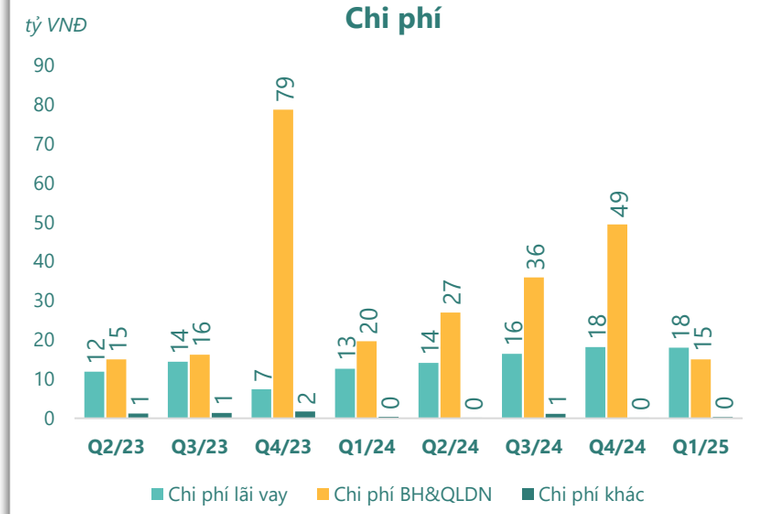
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



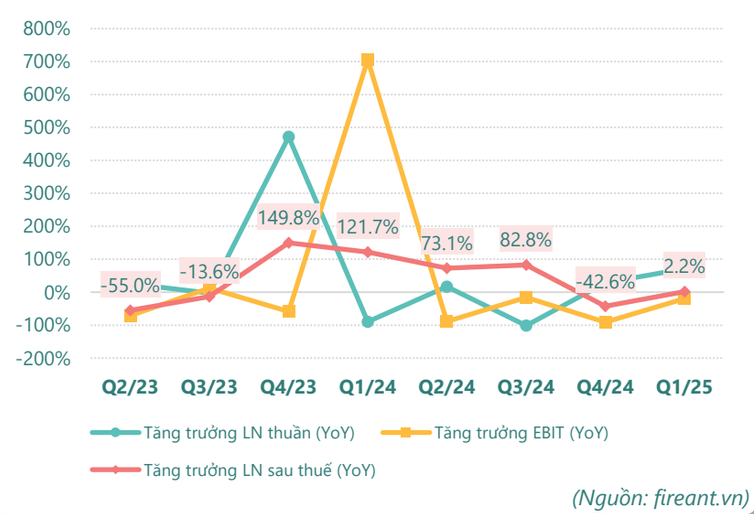
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



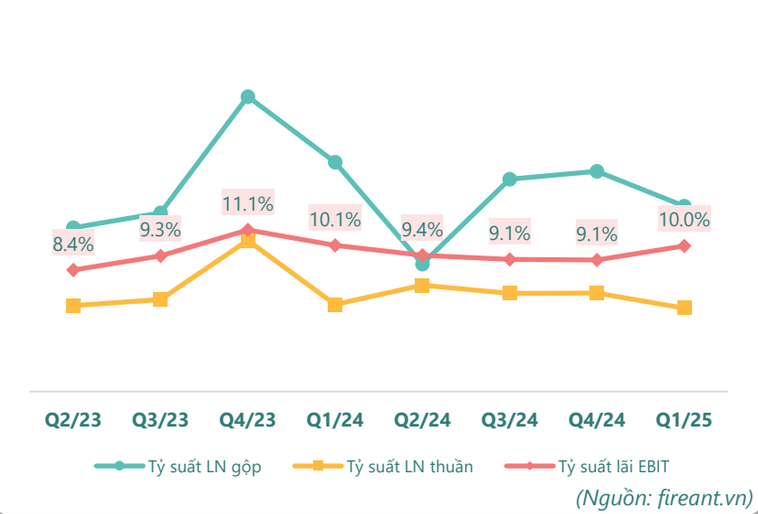
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



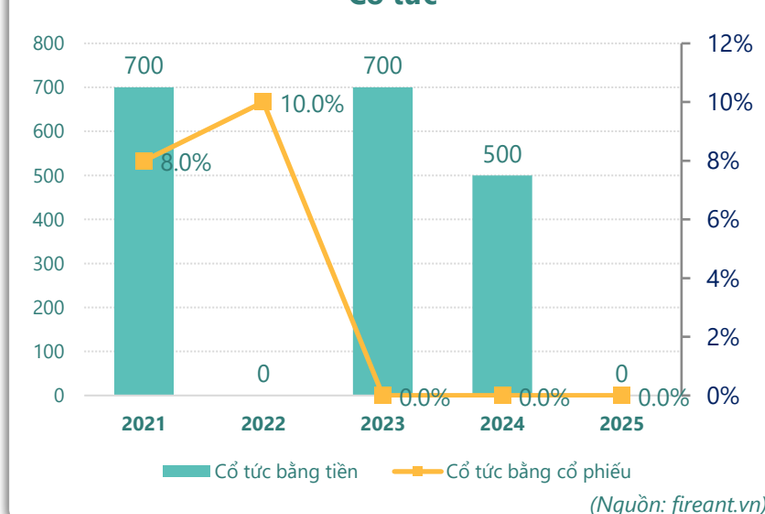
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

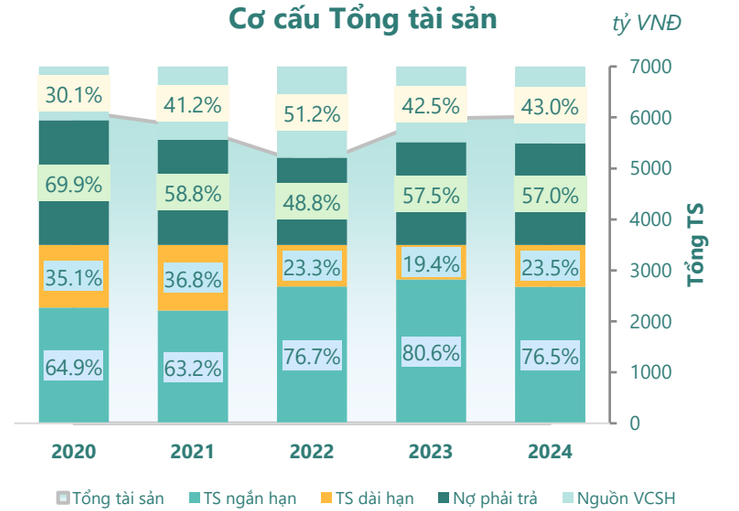
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

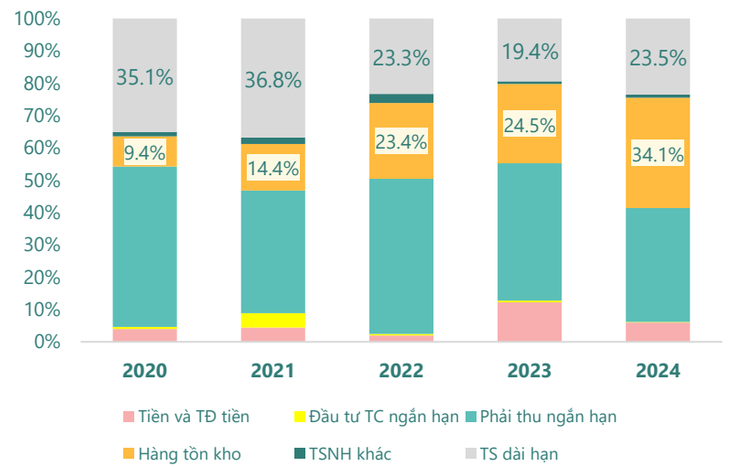
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



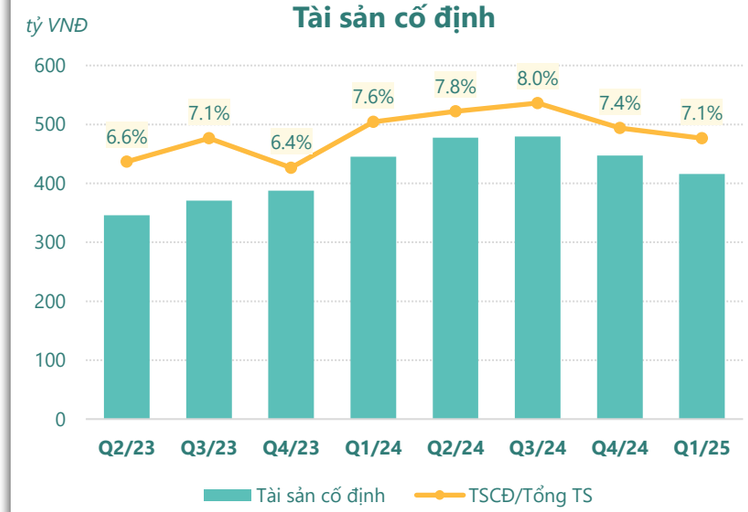
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



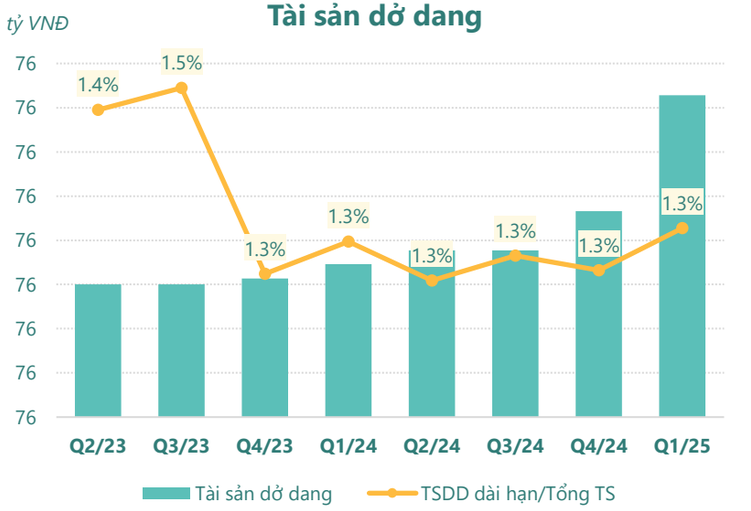
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



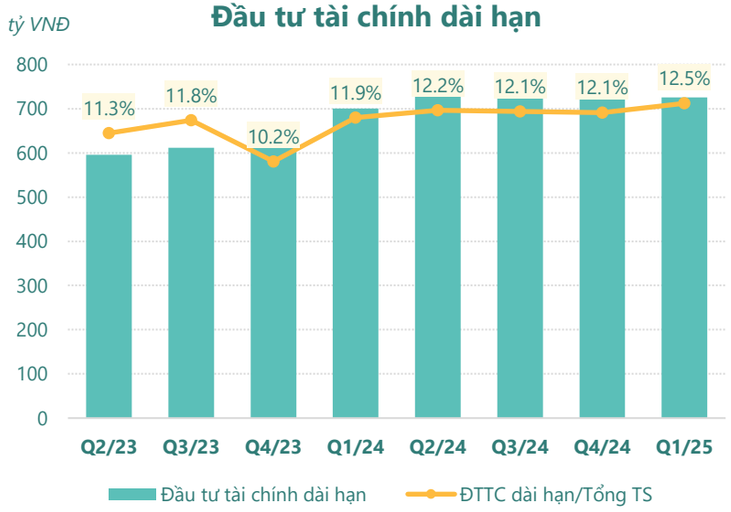
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



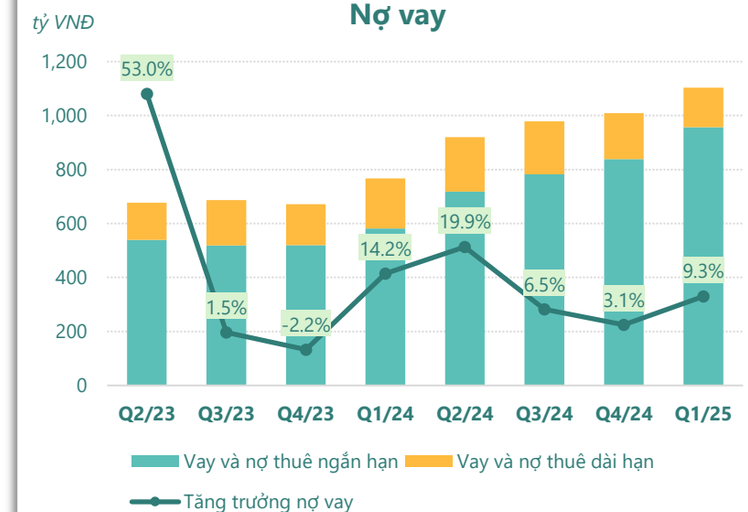
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

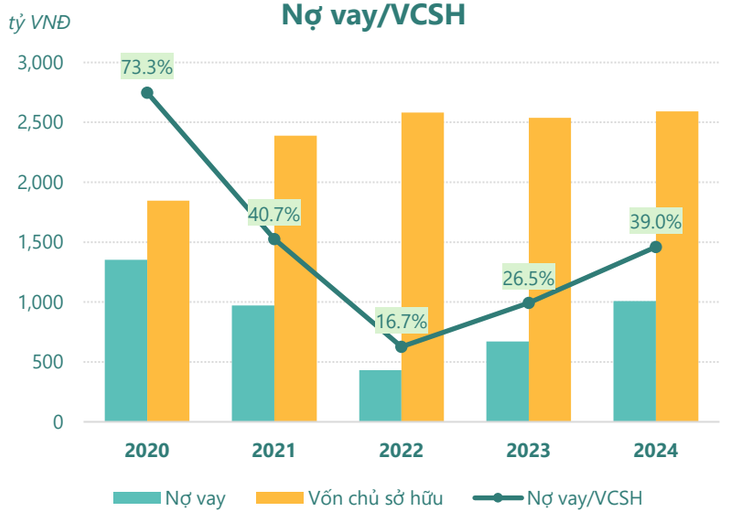
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

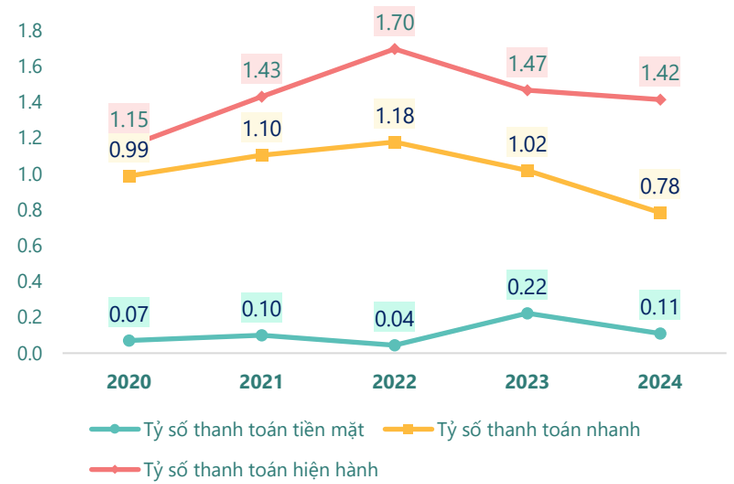
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



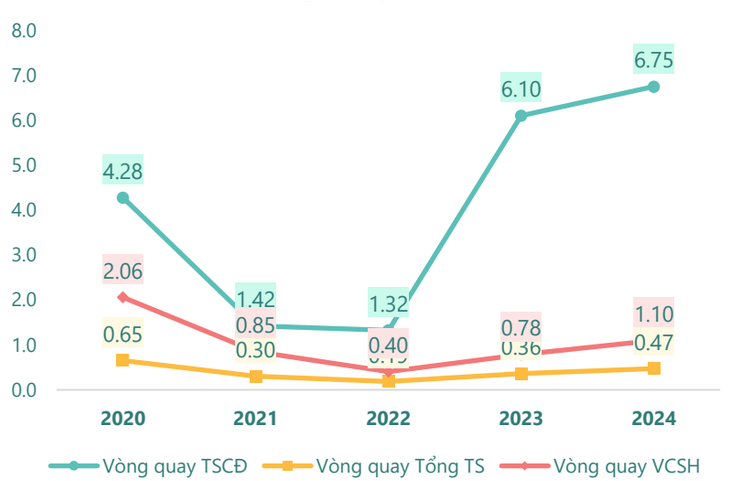
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



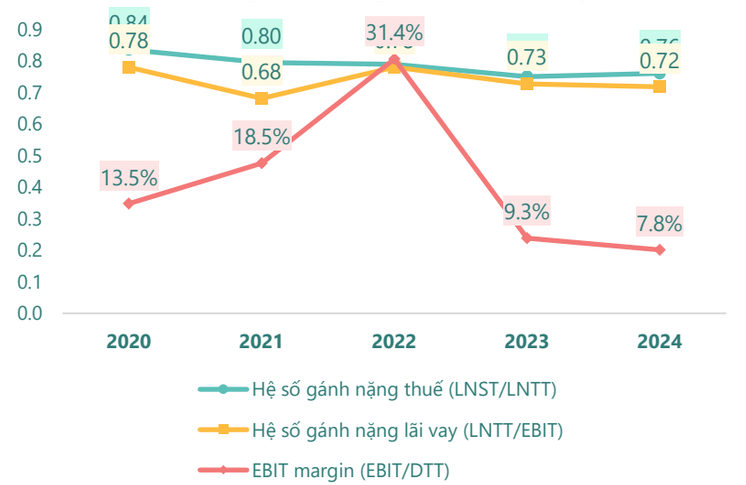
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



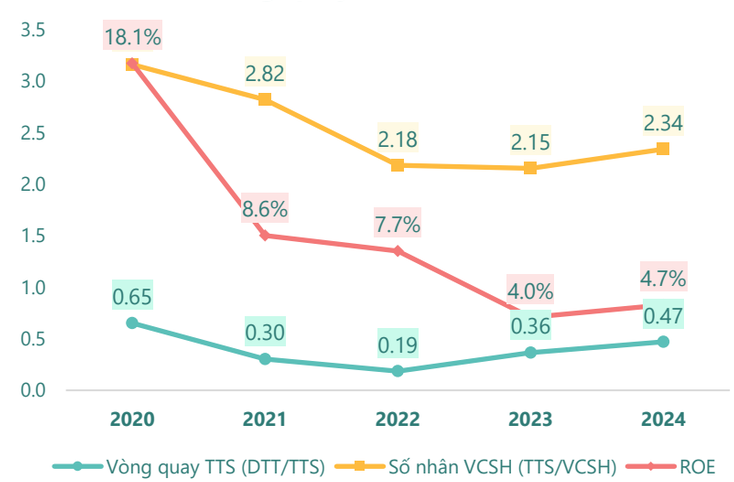
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



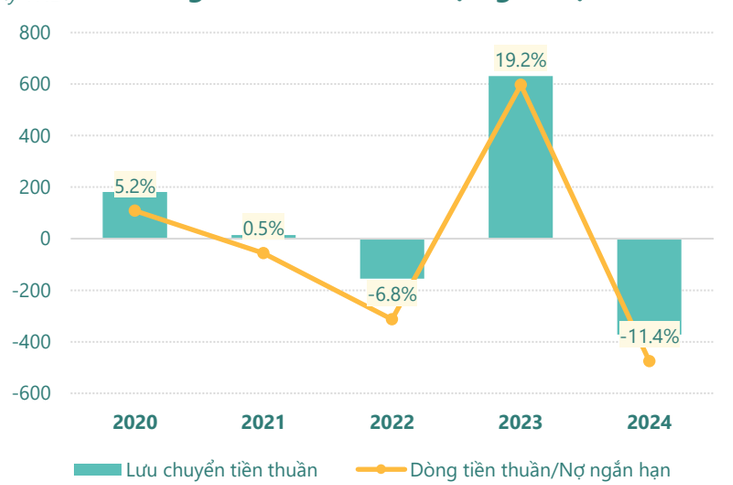
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**428**	**311**	**37.7%**	**2,817**	**2,008**	**40.3%**
Giá vốn hàng bán	374	262	42.6%	2,473	1,723	43.6%
Lợi nhuận gộp	54.7	49.1	11.4%	344	285	20.6%
Doanh thu HĐTC	2.92	2.04	43.1%	34.5	13.9	148%
Chi phí TC	18.0	12.8	40.5%	67.2	57.5	16.8%
Chi phí lãi vay	18.0	12.7	41.6%	62.1	50.6	22.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**5.63**	**-0.49**	**1253%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**15.0**	**19.7**	**-23.8%**	**158**	**107**	**47.5%**
LN thuần từ HĐKD	24.6	18.6	32.3%	158	134	18.5%
Lợi nhuận khác	**0.36**	**-0.02**	**1885%**	**-0.09**	**1.64**	**-106%**
LN trước thuế	25.0	18.6	34.2%	158	135	17.0%
Lợi nhuận sau thuế	**20.3**	**14.5**	**40.3%**	**120**	**102**	**18.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**20.0**	**14.5**	**38.2%**	**121**	**104**	**17.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	398	-316	-8.07	39.2	-56.7	-383
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	241	13.2	-370	20.6	197	-13.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-46.1	22.3	260	-190	30.0	97.7
Tiền đầu kỳ	78.2	732	452	334	204	360
Lưu chuyển tiền thuần	**593**	**-280**	**-118**	**-130**	**170**	**-299**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	671	452	334	204	374	60.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,820**	**6,020**	**-3.3%**
Tài sản ngắn hạn	4,463	4,607	-3.1%
Tiền và tương đương tiền	60.5	360	-83.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.8	11.0	89.8%
Phải thu ngắn hạn	2,051	2,120	-3.3%
Hàng tồn kho	2,245	2,056	9.2%
Tài sản ngắn hạn khác	86.1	60.8	41.6%
Tài sản dài hạn	**1,357**	**1,413**	**-4.0%**
Phải thu dài hạn	66.2	73.1	-9.5%
Tài sản cố định	416	447	-7.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	76.5	76.4	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	725	738	-1.8%
Tài sản dài hạn khác	**70.3**	**74.9**	**-6.2%**
Lợi thế thương mại	2.41	2.77	-12.8%
Nợ phải trả	3,208	3,429	-6.4%
Nợ ngắn hạn	**3,061**	**3,256**	**-6.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	957	838	14.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	659	758	-13.0%
Nợ dài hạn	148	173	-14.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	146	171	-14.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,611**	**2,591**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**2,611**	**2,591**	**0.8%**
Vốn điều lệ	1,951	1,951	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)